

Bản án số: 30/2022/DS-PT

Ngày 22 - 6 - 2022

*“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu tháo dỡ tài sản trên đất”*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Danh

Các Thẩm phán: Ông Vũ Văn Mạnh và bà Lê Thị Bích Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc: Bà Hoàng Thị Tuyết
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 10/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 25/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc H, sinh năm 1962; địa chỉ: số nhà 2345 đại lộ H, tổ 92, phường N, thành phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B; địa chỉ: số nhà 23, đường N, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2020), (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1968, (có mặt).

2.2. Bà Trịnh Thị L, sinh năm 1972, (có mặt).

2.3. Ông Nguyễn Đình S, sinh năm 1978, (có mặt).

Đều trú tại: Tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lê Thị Ái L, sinh năm 1965;

3.2. Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1994

3.3. Anh Nguyễn Quốc A sinh năm 1997;

Đều trú tại: Số nhà 2345 đại lộ H, tổ 92, phường N, thành phố V, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị T, anh Anh: Ông Nguyễn Văn B ; địa chỉ: số nhà 23, đường N , phường L , thành phố V , tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 03/7/2020), (có mặt).

3.4. Bà Lăng Thị Kim D , sinh năm 1979; địa chỉ: tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

3.5. Bà Đào Thị L , sinh năm 1972; cư trú tại: tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn C, huyện Đ, Vĩnh Phúc, (vắng mặt).

3.6. Anh Nguyễn Khắc N , sinh năm 1990; cư trú tại: tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn C, huyện Đ, Vĩnh Phúc, (có mặt).

3.7. Ông Nguyễn Trường S , sinh năm 1963; địa chỉ: số nhà 09, ngõ 15, đường Đ , phường T , thành phố V , Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn: Ông Nguyễn Văn B ; địa chỉ: số nhà 23, đường N , phường L , thành phố V , tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền ngày 28/3/2022), (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2004, ông Nguyễn Quốc H nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T (Đặng Ngọc T), bà Nguyễn Thị H 240m² đất tại thửa số 48A, tờ bản đồ số 26, thôn H , xã C, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Đất có phía Đông giáp hành lang quốc lộ 2B (cũ), phía Tây giáp suối đều tính từ tường bao loan hộ cụ Nguyễn Thị A đến ngõ xóm dài 10m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm dài 24m; phía Nam giáp đất cụ Nguyễn Thị A dài 24m. Ngày 23/8/2005, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 888556 đứng tên hộ ông Nguyễn Quốc H. Năm 2016, các hộ gia đình ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S đã làm đường bê tông ngõ xóm từ quốc lộ 2B (cũ) đến đất gia đình ông Đ, bà L, ông S lấn sang đất của gia đình ông H. Cụ thể, phần đất phía Đông giáp hành lang quốc lộ 2B (cũ) tính từ tường bao loan hộ cụ A đến đường ngõ xóm lấn S 1,8m, phần phía Tây giáp suối tính từ tường bao loan nhà cụ A đến đường ngõ xóm lấn chiếm 2,45m. Diện tích đất bị lấn làm đường bê tông là 51,24m². Ông nhiều lần yêu cầu phá dỡ phần đường bê tông lấn vào diện tích đất của gia đình ông nhưng ông Đ, bà L và ông S không thực hiện. Vì vậy nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc các hộ gia đình ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S phải tháo dỡ phần đường bê tông lấn sang diện tích đất tại thửa số 48A, tờ bản đồ số 26 nay là tờ bản đồ 39 thửa số 129, tổ dân phố H , thị trấn C để trả lại đất cho gia đình ông.

Bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S thống nhất trình bày:

Đất của ba hộ gia đình bị đơn cùng ngõ xóm với thửa đất của gia đình ông H, trong đó đất của gia đình ông H và đất của hộ ông S ở đầu ngõ. Năm 2016, các hộ gia đình bị đơn thống nhất làm đường bê tông ngõ xóm. Khi làm đường,

gia đình ông H vẫn chưa đến sử dụng đất, các ông bà không biết thông tin địa chỉ của ông H nên không thông báo cho ông H biết để xác định mốc giới. Tuy nhiên có báo với chính quyền địa phương thì được biết, thửa đất số 48A tờ bản đồ số 26 của ông H có chiều dài 25m, chiều rộng 8m. Mặt khác, khi đo đạc làm đường, trên diện tích đất hộ ông H, chiều phía Tây giáp suối tính từ tường bao loan hộ cụ A đến đường ngõ xóm có 01 cây bạch đàn ở đoạn 8m nên các ông bà tính từ đó để làm đường xóm. Các bị đơn xác định việc làm đường không lấn sang đất của ông H nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà Đào Thị L và bà Lăng Thị Kim D trình bày: Bà D, bà L xác định không tham gia làm đường xóm nên không biết đường bê tông diện tích, các chiều cạnh thế nào. Các bà xác định không liên quan đến việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Quốc H đối với ông Trịnh Văn Đ, ông Nguyễn Đình S, bà Trịnh Thị L nên từ chối tham gia tố tụng, từ chối yêu cầu độc lập.

Bà Lê Thị Ái L, chị Nguyễn Thanh T, anh Nguyễn Quốc A và người đại diện theo ủy quyền của bà L, chị T và anh Quốc A trình bày: Nhất trí với quan điểm của ông Nguyễn Quốc H về nguồn gốc, mốc giới và diện tích 240m² đất tại thửa số 48A, tờ bản đồ số 26 nay là tờ bản đồ 39 thửa số 129, tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc. Khi gia đình ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S làm đường bê tông ngõ xóm đã lấn sang đất của gia đình như ông H trình bày. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quan điểm của ông H.

Anh Nguyễn Khắc N trình bày: Anh cũng tham gia làm đường xóm. Anh xác định khi làm đường xóm không lấn vào diện tích đất của gia đình ông H nên yêu cầu khởi kiện của ông H buộc các hộ tháo dỡ bê tông để trả lại gia đình ông H là không có căn cứ. Anh từ chối yêu cầu độc lập.

Ông Nguyễn Trường S trình bày: Năm 2004, ông góp 150.000.000 đồng (tiền của cá nhân ôn) để cùng ông Nguyễn Quốc H nhận chuyển nhượng 240m² đất tại thửa số 48A tờ bản đồ số 26, nay là tờ bản đồ 39 thửa số 129 tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T (Đặng Ngọc T), bà Nguyễn Thị H. Diện tích, mốc giới thửa đất như ông H đã trình bày là đúng. Ngày 23/8/2005, ông H được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 888556 đứng tên hộ ông Nguyễn Quốc H. Việc các hộ gia đình ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S làm đường bê tông ngõ xóm đã lấn vào đất thuộc quyền sử dụng của ông H. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông H.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ đã quyết định:

Căn cứ Điều 164, 166, 175 Bộ luật Dân sự; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 168, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H, buộc: Hộ gia đình ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S phải dỡ bỏ phần bê tông nằm trên diện đất có ký hiệu BB C'C để trả lại ông Nguyễn Quốc H diện tích

45,4m² đất tại tờ bản đồ 26 thửa số 48A nay là tờ bản đồ 39 thửa số 129, tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn C (Có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/01/2022 bị đơn ông Trịnh Văn Đ, ông Nguyễn Đình S, bà Trịnh Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc N kháng cáo không đồng ý tháo dỡ phần đường bê tông có diện tích 45,4m² theo quyết định của bản án sơ thẩm, vì cho rằng hồ sơ giấy tờ của ông H có dấu hiệu giả mạo chữ ký chủ đất ông Đặng Ngọc T (nộp kèm theo đơn kháng cáo là bản photo Giấy viết tay cam kết của ông Đặng Ngọc T).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn ông Trịnh Văn Đ, ông Nguyễn Đình S, bà Trịnh Thị L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc N giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định; các đương sự đều chấp hành đúng quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc N làm trong hạn, theo đúng quy định của pháp luật được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ tài sản là đường bê tông mà bị đơn đã đổ lấn sang đất của nguyên đơn nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định Ủy ban nhân dân thị trấn C và Ủy ban nhân dân huyện Đ tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng. Vì Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan hành chính có trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực đất đai tại địa phương theo thẩm quyền; tranh chấp giữa các đương sự không liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân thị trấn C và Ủy ban nhân dân huyện Đ theo quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sai sót này không làm ảnh hưởng đến bản chất vụ án cũng như quyền, nghĩa vụ của các đương sự. Tòa án cấp phúc thẩm xác định Ủy ban nhân dân thị trấn C và Ủy ban nhân dân huyện Đ không phải là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên không triệu tập tham gia tố tụng. Yêu cầu cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm trong việc xác định tư cách của đương sự để tránh lặp lại sai sót này trong các vụ án khác.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Diện tích $240m^2$ đất tại thửa số 48A, tờ bản đồ số 26 nay là tờ bản đồ 39 thửa số 129, tổ dân phố H, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc có nguồn gốc đất đồi rừng, được Nhà nước giao cho cụ Nguyễn Thị A sử dụng. Năm 1994, cụ A chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Ngọc T (Đặng Ngọc T), bà Nguyễn Thị H. Năm 2004, ông T, bà H chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Quốc H. Ngày 23/8/2005, ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất này. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông H chưa xây dựng tường bao loan để xác định mốc giới cũng như công trình trên đất. Năm 2016, ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S và anh Nguyễn Khắc N chung nhau làm đường bê tông ngõ xóm từ quốc lộ 2B (cũ) vào đất gia đình ông Đ, bà L, ông S.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 888556, ngày 23/8/2005 cấp cho hộ ông Nguyễn Quốc H, hồ sơ cấp giấy chứng nhận, sơ đồ hiện trạng đất và hồ sơ địa chính được lưu giữ tại chính quyền địa phương đều thể hiện thửa đất trên có phía Đông giáp hành lang quốc lộ 2B (cũ) và phía Tây giáp suối được tính từ tường bao loan của hộ cụ Nguyễn Thị A đến đường ngõ xóm có chiều rộng là 10m; phía Bắc giáp đường ngõ xóm và phía Nam giáp đất cụ Nguyễn Thị A có chiều dài là 24m.

Tại phiên tòa phúc thẩm phía bị đơn là ông Đ, bà L, ông S đều thừa nhận bức tường bao loan do cụ A xây trước khi cụ bán đất cho vợ chồng ông T, bà Hồng và bức tường này chính là mốc giới giữa đất nhà cụ A với đất của nguyên đơn. Vì vậy có căn cứ để xác định phân ranh giới tiếp giáp giữa đất của hộ gia đình ông H với đất của cụ A là mép ngoài của bức tường bao loan này.

Năm 2020, ông H đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn C xác định mốc giới thửa đất của ông, kết quả thể hiện: Đoạn phía Đông giáp hành lang Quốc lộ 2B (cũ) tính từ mép ngoài tường bao loan của hộ cụ Nguyễn Thị A đến mép đường bê tông ngõ xóm dài 8,1m thiếu 1,9m; đoạn phía Tây giáp suối tính từ mép ngoài tường bao loan của hộ cụ A đến mép đường bê tông ngõ xóm dài 7,55m thiếu 2,45m và diện tích đất của ông H còn thiếu so với giấy chứng nhận là $51,24m^2$.

Tuy nhiên, kết quả thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm ngày 02/4/2021 thể hiện: Chiều sâu của thửa đất phía Nam giáp nhà cụ A (cạnh A-D) và phía Bắc giáp đường ngõ xóm (cạnh B-C) có kích thước là 24m. Đối với chiều rộng của thửa đất giáp hành lang giao thông (cạnh A-B) tính từ mép tường bao loan của cụ A đến mép đường bê tông ngõ xóm có kích thước là 8,1m; còn chiều rộng của thửa đất giáp suối (cạnh C-D) tính từ mép tường bao loan của cụ A đến mép đường bê tông ngõ xóm có kích thước là 8,13m. Số liệu đo đạc do UBND thị trấn C thực hiện và do hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ TAND huyện Đ là khác nhau về chiều rộng cạnh giáp với suối chênh lệch nhau là 0,58m ($8,13m - 7,55m$). Các đương sự đều thống nhất với số liệu đo đạc tại buổi xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 02.4.2021. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phía giáp mặt đường có kích thước 1,81m và phía giáp suối có kích thước 1,83m là đúng pháp luật. Căn cứ hồ sơ cấp GCNQSDĐ với hiện trạng thửa đất thì phía Đông (cạnh C-D) thiếu 1,87m ($10m - 1,83m$) và phía Tây (cạnh A-B) thiếu

1,9m (10m – 1,81m) và diện tích đất thực tế là 194,6m² còn thiếu so với GCNQSDĐ là 45,4m² (240m² - 194,6m²).

Các bị đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm với lý do cho rằng hồ sơ của ông H có dấu hiệu giả mạo chữ ký của chủ đất cũ (ông Đặng Ngọc T) nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh. Nộp kèm theo đơn kháng cáo là bản phô tô giấy cam kết đề ngày 20/10/2016 người viết Đặng Ngọc T với nội dung “Tôi chuyển nhượng cho anh H một thửa đất...rộng 8m dài 25m diện tích 200m² đất thổ cư...cam kết không xâm lấn đường đi nhà anh Đ”, Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm vợ chồng ông T, bà H xác định khi nhận chuyển nhượng đất của cụ A và khi chuyển nhượng cho ông H thì đã có tường bao loan do cụ A xây làm mốc giới giữa thửa đất của cụ A và thửa đất của ông H. Ông bà không nhớ các mốc giới, chiều cạnh, diện tích đất, nay đất đã chuyển nhượng cho ông H theo đúng quy định pháp luật và không có tranh chấp gì.

Về hình thức, bản phô tô Giấy cam kết của các bị đơn xuất trình không được coi là chứng cứ theo khoản 1 Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung Giấy cam kết trên thể hiện các chiều cạnh của thửa đất được ông T ghi không trùng khớp với chiều cạnh tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được ký kết giữa ông T và ông H. Tại phiên tòa, các bị đơn không đưa ra được các tài liệu chứng cứ mới, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đ, ông S, bà L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nam.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên có đủ cơ sở để khẳng định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, quyết định của Bản án sơ thẩm là đúng pháp luật. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ, ông S, bà L và anh N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Khắc N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164, 165 và 175 Bộ luật Dân sự; các Điều 166, 168, 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quốc H. Buộc ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S và các thành viên trong gia đình phải tháo dỡ tài sản là phần đường đổ bê tông nằm trên diện đất có ký hiệu BB'C'C để trả lại cho hộ gia đình ông Nguyễn Quốc H diện tích 45,4m² đất tại tờ bản đồ 26 thửa số 48A nay là tờ bản đồ 39 thửa số 129, tổ dân phố Hợp Thành, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Vĩnh Phúc (có sơ đồ chi tiết kèm theo).

Nếu ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S và các thành viên trong gia đình không tự nguyện tháo dỡ thì sẽ bị cưỡng chế phá dỡ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Trịnh Văn Đ, bà Trịnh Thị L, ông Nguyễn Đình S, anh Nguyễn Khắc N mỗi người phải chịu số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000138, số 0000140, số 0000137 và số 0000139 cùng ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Xác nhận các đương sự đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Danh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà Vũ Văn Mạnh

Nguyễn Thanh Danh

